

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175/2023/DS-PT**

Ngày: **11 - 8 - 2023**

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Kiều Lương

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Quyên

Bà Lê Thị Ký

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 24/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 165/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2023; Các quyết định hoãn phiên tòa số 395/2023/QĐ-PT ngày 30/6/2023, quyết định số 435/2023/QĐ-PT ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng H**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ D, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 308/4 L, hẻm C, tổ B, khu V, TT L, huyện L. (Văn bản ủy quyền ngày 15/02/2022).

**- Bị đơn: Bà Dương Hoa H1**, sinh năm 1964.

Hộ khẩu thường trú: A Xóm Đ, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Tổ 8, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Khuất Thị Diễm H2, sinh năm 1980. Địa chỉ: E, N, phường P, thành phố Bà Rịa - V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Văn bản ủy quyền ngày 03/8/2023)

(Ông C, bà Hồng H3, bà Hoa H4, bà H2 có mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Nguyễn Quốc C trình bày:

Do bà Trần Thị Hồng H và bà Dương Hoa H1 là chỗ bạn bè thân thiết, nên từ ngày 11 tháng 3 năm 2020 cho đến ngày 24 tháng 3 năm 2021, bà Dương Hoa H1 đã vay tiền của nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng H tổng cộng là 13 đợt vay mượn, với tổng số tiền nợ gốc là: 31.500.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn); Vay có lãi suất. Trong đó, các đợt vay tiền ngày 11/3/2020, ngày 03/04/2020, ngày 05/06/2020 và ngày 03/8/2020 là vay có thời hạn trả nợ. Còn các đợt vay còn lại là vay không có thời hạn trả nợ.

Do đó, vào ngày 13 tháng 12 năm 2021 bên nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng H đã tới nhà bà Dương Hoa H1 gửi Văn bản thông báo đòi nợ, có sự chứng kiến của Văn phòng T1. Theo đó, bên nguyên đơn yêu cầu bà Dương Hoa H1 có trách nhiệm chi trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi trong thời hạn cuối cùng là vào ngày 12/01/2022. Với địa điểm trả nợ là: Tại cửa hàng X là nhà của bên nguyên đơn, có địa chỉ: tổ D, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ thời điểm cho vay, đến ngày trả nợ là ngày 12/01/2022 bà Dương Hoa H1 chưa một lần nào chi trả nợ gốc và các khoản nợ lãi cho phía bên nguyên đơn.

Do đó, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giải quyết cho nguyên đơn các yêu cầu sau đây:

Buộc bên bị đơn là bà Dương Hoa H1 phải có trách nhiệm thanh toán cho bên nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng H các khoản tiền sau. Cụ thể :

1. Tiền nợ gốc: 31.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

2. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

\* Đối với 04 đợt vay có kỳ hạn trả nợ gồm:

- Đợt 1: Ngày 11/3/2020 vay số tiền là 6 tỷ đồng, với lãi suất là 3,2%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng, kể từ ngày 11/3/2020.

- Đợt 2: Ngày 03/4/2020 vay số tiền là 2 tỷ đồng, với lãi suất là 3,2%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng, kể từ ngày 03/4/2020.

- Đợt 3: Ngày 05/6/2020 vay số tiền là 5 tỷ đồng, với lãi suất là 3,2%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, kể từ ngày 05/6/2020.

- Đợt 4: Ngày 03/8/2020 vay số tiền là 2 tỷ đồng, với lãi suất là 3,5%/tháng, thời hạn vay là 2 tháng, kể từ ngày 03/8/2020.

\* Đối với 09 đợt vay không có kỳ hạn trả nợ gồm:

- Đợt 5: Ngày 27/8/2020 vay số tiền là 5 tỷ đồng, với lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là vô thời hạn.

- Đợt 6: Ngày 03/12/2020 vay số tiền là 2 tỷ đồng, với lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là vô thời hạn.

- Đợt 7: Ngày 25/12/2020 vay số tiền là 2 tỷ đồng, với lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là vô thời hạn.

- Đợt 8: Ngày 23/9/2020 vay số tiền là 1 tỷ đồng, với lãi suất là 3,5%/tháng, thời hạn vay là vô thời hạn.

- Đợt 9: Ngày 26/9/2020 vay số tiền là 1 tỷ đồng, với lãi suất là 3,8%/tháng, thời hạn vay là vô thời hạn.

- Đợt 10: Ngày 02/01/2021 vay số tiền là 1 tỷ đồng, với lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là vô thời hạn.

- Đợt 11: Ngày 27/01/2021 vay số tiền là 1,5 tỷ đồng, với lãi suất là 4%/tháng, thời hạn vay là vô thời hạn.

- Đợt 12: Ngày 03/03/2021 vay số tiền là 2 tỷ đồng, với lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là vô thời hạn.

- Đợt 13: Ngày 24/3/2021 vay số tiền là 1 tỷ đồng, với lãi suất là 3,5%/tháng, thời hạn vay là vô thời hạn.

Do các bên thỏa thuận lãi suất cho vay nêu trên là vượt quá lãi suất cho vay theo quy định pháp luật. Vì vậy, nguyên đơn căn cứ theo khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì tiền lãi trong hạn được áp dụng với mức lãi suất là 20%/năm. Cụ thể:

\* **Đối với 04 đợt vay có kỳ hạn trả nợ:** Tổng tiền lãi trong hạn của 04 đợt vay có thời hạn là: 483.332.000 đồng;

\* **Đối với 09 đợt vay không kỳ hạn.** Tổng tiền lãi trong hạn của 09 đợt vay không kỳ hạn là: 3.753.052.000 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn phải trả là: **4.236.384.000đ** (Bốn tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

\* Do tiền lãi trong hạn phía bên bị đơn chưa chi trả cho phía bên nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ theo điểm b, khoản 2, Điều 5 của Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán và điểm a, khoản 5, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 thì tiền lãi trên nợ lãi được áp dụng với mức lãi suất là 10%/năm. Cụ thể, tiền lãi trên nợ lãi bên bị đơn phải trả cho bên nguyên đơn như sau:

+ **Đối với 04 đợt vay có kỳ hạn trả nợ:** Tổng tiền lãi trên nợ lãi là: 98.578.000 đồng.

+ **Đối với 09 đợt vay không kỳ hạn trả nợ.** Do phía bên nguyên đơn đã phát thông báo đòi nợ vào ngày 13/12/2021. Theo đó, thời hạn yêu cầu phía bên

bị đơn phải trả nợ lãi trong hạn là vào ngày 12/01/2022. Vì vậy, ngày chậm trả nợ lãi trong hạn được xác định là tạm tính từ ngày 12/01/2022 cho đến ngày 18/10/2022, là 09 tháng, 06 ngày. Cụ thể, tiền lãi trên nợ lãi phía bên bị đơn phải trả là : Tổng tiền lãi trong hạn của 09 đợt vay không kỳ hạn là: 3.753.052.000 đồng x 10%/năm x 09 tháng 06 ngày = 287.734.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Tổng số tiền lãi trên nợ lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn đến ngày 18/10/2022 là: 386.312.000 đồng (Ba trăm tám mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn đồng).

\* Do tiền gốc 31.500.000.000 đồng phía bên bị đơn chưa chi trả cho phía bên nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ theo điểm c, khoản 2, Điều 5 của Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán và điểm b, khoản 5, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 thì tiền lãi trên nợ gốc quá hạn được áp dụng với mức lãi suất là 30%/năm. Cụ thể, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn bên bị đơn phải trả cho bên nguyên đơn như sau:

+ **Đối với 04 đợt vay có kỳ hạn trả nợ:** Tổng tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là: 10,364,167,000 đồng.

+ **Đối với 09 đợt vay không kỳ hạn trả nợ:** Tổng tiền gốc của 09 đợt vay không kỳ hạn là: 16.500.000.000 đồng x 30%/năm x 09 tháng 06 ngày = 3.795.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền **lãi trên nợ gốc quá hạn** bị đơn phải trả cho nguyên đơn đến ngày 18/10/2022 là: **14.159.167.000 đồng** (Mười bốn tỷ một trăm năm mươi chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Đồng thời yêu cầu bà Dương Hoa H1 phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc quá hạn, với mức lãi suất áp dụng là 30%/năm được tính tiếp từ ngày 18/10/2022 cho đến khi bà Dương Hoa H1 thanh toán xong khoản nợ gốc nói trên.

**Tổng toàn bộ tiền lãi tính đến ngày 18/10/2022 là: 18.781.863.000 đồng.**

Như vậy, tổng số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 18/10/2022 thì bà Dương Hoa H1 phải trả là: **50.281.863.000 đồng** (năm mươi tỷ hai trăm tám mươi một triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

- Bị đơn bà Dương Hoa H1 có bà Hồ Kim D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay số tiền 31.500.000.000 đồng (ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng) của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H, bị đơn yêu cầu đối với các khoản vay không ghi thời hạn và không thỏa thuận lãi suất đề nghị không tính lãi quá hạn và lãi chồng lãi.

Đối với các khoản vay có thỏa thuận lãi suất thì bị đơn đồng ý trả 20%/năm, lãi quá hạn và lãi chồng lãi đồng ý trả 30%/năm nhưng tính từ ngày 05/9/2022

gồm các khoản vay: ngày 11/3/2020 với số tiền 6000.000.000 đồng, ngày 03/4/2020 với số tiền vay 2000.000.000 đồng và khoản vay ngày 05/6/2020 với số tiền 5000.000.000 đồng; ngày 03/8/2020, số tiền vay 2000.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng, thời hạn vay 02 tháng; ngày 23/9/2020, số tiền vay 1000.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng; ngày 26/9/2020 số tiền vay 1000.000.000, lãi suất 3,8%/tháng; ngày 27/01/2021 số tiền vay 1.500.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng; ngày 03/3/2021 số tiền vay 2000.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng; ngày 24/4/2021 số tiền vay 1000.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng.

Đối với các khoản vay ngày 27/8/2020 số tiền vay 5000.000.000 tỷ; ngày 03/12/2020 số tiền vay 2000.000.000 đồng; ngày 25/12/2020 số tiền vay 2000.000.000 đồng và ngày 02/01/2021 số tiền vay 1000.000.000 đồng. Bị đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 05/9/2022.

Trong quá trình vay bị đơn bà Dương Hoa H1 đã trả tiền lãi cho nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H trực tiếp các khoản vay cụ thể như sau:

1. Đối với ngày 11/01/2021, bị đơn bà H đã trả số tiền lãi là 536.000.000 đồng cho các khoản vay :

- Ngày 03/12/2020 là 2 tỷ, lãi suất 3% là 60.000.000 đồng;
- Ngày 11/3/2020 là 6 tỷ, lãi suất 3,2% là 192.000.000 đồng;
- Ngày 3/4/2020 là 2 tỷ, lãi suất 3,2% là 64.000.000 đồng;
- Ngày 05/6/2020 là 5 tỷ, lãi suất 160.000.000 đồng;
- Ngày 03/8/2020 là 2 tỷ, lãi suất 3% là 60.000.000 đồng.

Hai bên không làm giấy tờ gì, chỉ xác nhận qua Zalo tính lãi suất và số tiền lãi phải trả.

2. Đối với ngày 17/01/2021, bị đơn bà H trả cho nguyên đơn bà H số tiền lãi 274.000.000 đồng cho các khoản vay:

- Ngày 23/9/2020 là 01 tỷ, lãi suất 3,2% là 32.000.000 đồng;
- Ngày 26/9/2020 là 01 tỷ, lãi suất 3,2% là 32.000.000 đồng;
- Ngày 27/8/2020 là 05 tỷ, lãi suất 3% là 150.000.000 đồng;
- Ngày 25/12/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3% là 60.000.000 đồng.

Do nguyên đơn bà H thiếu tiền của bị đơn bà H 01 tỷ đồng nên khi nguyên đơn bà H trả tiền cho bị đơn bà H cần trừ vào khoản tiền lãi trên nên nguyên đơn bà H trả số tiền còn lại cho bị đơn bà H là 726.000.000 đồng. Hình thức trả xác nhận qua Z và trả trực tiếp không làm giấy tờ gì cả.

3. Đối với ngày 04/02/2021 trả lãi số tiền 560.000.000 đ cho các khoản vay

- Ngày 02/01/2021 là 01 tỷ, lãi suất 3% là 30.000.000 đồng;
- Ngày 03/12/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3% là 60.000.000 đồng;
- Ngày 11/3/2020 là 06 tỷ, lãi suất 3,2% là 192.000.000 đồng;

- Ngày 03/4/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3,2% là 64.000.000 đồng;
  - Ngày 05/6/2020 là 05 tỷ, lãi suất 3,2% là 160.000.000 đồng;
  - Ngày 03/8/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3% là 60.000.000 đồng.
4. Ngày 23/02/2021 trả lãi số tiền 334.000.000 đồng cho các khoản vay :
- Ngày 23/9/2020 là 01 tỷ, lãi suất 3,2% là 32.000.000 đồng;
  - Ngày 26/9/2020 là 01 tỷ, lãi suất 3,2% là 32.000.000 đồng;
  - Ngày 27/8/2020 là 05 tỷ, lãi suất 3% là 150.000.000 đồng;
  - Ngày 25/12/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3% là 60.000.000 đồng;
  - Ngày 27/01/2021 là 1,5 tỷ đồng, lãi suất 4% là 60.000.000 đồng.
5. Ngày 01/3/2021 trả lãi số tiền 566.000.000 đồng cho các khoản vay:
- Ngày 02/01/2021 là 01 tỷ, lãi suất 3% là 30.000.000 đồng;
  - Ngày 03/12/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3% là 60.000.000 đồng;
  - Ngày 01/3/2020 là 06 tỷ, lãi suất 3,2% là 192.000.000 đồng;
  - Ngày 03/4/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3,2% là 64.000.000 đồng;
  - Ngày 05/6/2020 là 05 tỷ, lãi suất 3,2% là 166.000.000 đồng;
  - Ngày 03/8/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3% là 60.000.000 đồng
6. Ngày 03/6/2021 trả lãi số tiền 1.952.000.000 đồng cho các khoản vay 06 tỷ, lãi suất 3,2% là 192.000.000đ x 6 tháng là 1.152.000.000 đồng;
- Ngày 05/4/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3,2% x 5 tháng là 320.000.000 đồng;
  - Ngày 05/6/2020 là 05 tỷ, lãi suất 3,2% x 3 tháng là 480.000.000 đồng.
- Tổng số tiền lãi trên chuyển khoản qua Ngân hàng A để trả tiền lãi cho nguyên đơn bà H số tiền là 2000.000.000 đồng .*
7. Ngày 01/10/2020 trả lãi số tiền 486.000.000 đồng cho các khoản vay:
- Ngày 11/3/2020 là 06 tỷ, lãi suất 3,2% là 192.000.000 đồng ;
  - Ngày 03/4/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3,2% là 64.000.000 đồng;
  - Ngày 05/6/2020 là 05 tỷ, lãi suất 3,2% là 160.000.00 đồng;
  - Ngày 03/8/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3,5% là 70.000.000 đồng.
8. Ngày 01/11/2020 trả lãi số tiền 486.000.000 đồng cho các khoản vay:
- Ngày 11/3/2020 là 06 tỷ, lãi suất 3,2% là 192.000.000 đồng;
  - Ngày 3/4/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3,2% là 64.000.000 đồng;
  - Ngày 05/6/2020 là 05 tỷ, lãi suất 3,2% là 160.000.000 đồng;
  - Ngày 03/8/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3,2% là 70.000.000 đồng.
9. Ngày 17/11/2020 trả lãi số tiền 214.000.000 đồng cho các khoản vay:
- Ngày 23/9/2020 là 01 tỷ, lãi suất 3,2% là 32.000.000 đồng;
  - Ngày 26/9/2020 là 01 tỷ đồng, lãi suất 3,2% là 32.000.000 đồng;
  - Ngày 27/8/2020 là 05 tỷ, lãi suất 3,2% là 150.000.000 đồng.
10. Ngày 30/11/2020 trả lãi số tiền 288.000.000 đồng cho các khoản vay:



- Ngày 03/4/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3,2% là 64.000.000 đồng;
  - Ngày 05/6/2020 là 05 tỷ, lãi suất 3,2% là 160.000.000 đồng;
  - Ngày 03/8/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3,2% là 60.000.000 đồng.
11. Ngày 02/01/2021 trả lãi số tiền 536.000.000 đồng cho các khoản vay:
- Ngày 03/12/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3% là 60.000.000 đồng;
  - Ngày 11/3/2020 là 06 tỷ, lãi suất 3,2% là 192.000.000 đồng;
  - Ngày 03/4/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3,2% là 64.000.000 đồng;
  - Ngày 05/6/2020 là 05 tỷ, lãi suất 3,2% là 160.000.000 đồng;
  - Ngày 03/8/2020 là 02 tỷ, lãi suất 3% là 60.000.000 đồng.
12. Ngày 08/3/2021 trả tiền lãi 334.000.000 đồng cho các khoản vay :
- Ngày 23/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
  - Ngày 26/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
  - Ngày 27/8/2020 là 5.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 150.000.000 đồng;
  - Ngày 25/12/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 27/01/2020 là 1.500.000.000 đồng, lãi suất 4,0% = 60.000.000 đồng;
13. Ngày 22/3/2021 trả tiền lãi 334.000.000 đồng cho các khoản vay:
- Ngày 23/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
  - Ngày 26/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
  - Ngày 27/8/2020 là 5.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 150.000.000 đồng;
  - Ngày 25/12/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 27/01/2020 là 1.500.000.000 đồng, lãi suất 4,0% = 60.000.000 đồng;
14. Ngày 30/3/2021 trả tiền lãi 666.000.000 đồng cho các khoản vay ngày:
- Ngày 03/3/2021 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 5,0% = 100.000.000 đồng;
  - Ngày 02/01/2021 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 30.000.000 đồng;
  - Ngày 03/12/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 11/3/2020 là 6.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 192.000.000 đồng;
  - Ngày 03/4/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 64.000.000 đồng;
  - Ngày 05/6/2020 là 5.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 160.000.000 đồng;
  - Ngày 03/8/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 60.000.000 đồng;
15. Ngày 17/4/2021 trả tiền lãi 666.000.000 đồng cho các khoản vay ngày:
- Ngày 03/3/2021 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 5,0% = 100.000.000 đồng;
  - Ngày 02/01/2021 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 30.000.000 đồng;
  - Ngày 03/12/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 11/3/2020 là 6.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 192.000.000 đồng;
  - Ngày 03/4/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 64.000.000 đồng;
  - Ngày 05/6/2020 là 5.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 160.000.000 đồng;
  - Ngày 03/8/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;

16. Ngày 01/4/2021 trả tiền lãi 369.000.000 đồng cho các khoản vay:
- Ngày 23/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
  - Ngày 26/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
  - Ngày 27/8/2020 là 5.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 150.000.000 đồng;
  - Ngày 25/12/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 27/01/2020 là 1.500.000.000 đồng, lãi suất 4,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 24/3/2021 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,5% = 35.000.000 đồng;
17. Ngày 22/4/2021 trả tiền lãi 369.000.000 đồng cho các khoản vay :
- Ngày 23/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
  - Ngày 26/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
  - Ngày 27/8/2020 là 5.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 150.000.000 đồng;
  - Ngày 25/12/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 27/01/2020 là 1.500.000.000 đồng, lãi suất 4,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 24/3/2021 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,5% = 35.000.000 đồng;
18. Ngày 01/5/2021 trả tiền lãi 444.000.000 đồng cho các khoản vay :
- Ngày 03/3/2021 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,5% = 70.000.000 đồng;
  - Ngày 02/01/2021 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 30.000.000 đồng;
  - Ngày 03/12/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 03/8/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 03/4/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 64.000.000 đồng;
  - Ngày 05/6/2020 là 5.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 160.000.000 đồng;
19. Ngày 10/5/2021 trả lãi cho các khoản vay:
- Ngày 11/3/2020 là 6.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% là 192.000.000 đồng.
20. Ngày 19/5/2021 trả tiền lãi 369.000.000 đồng cho các khoản vay :
- Ngày 23/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
  - Ngày 26/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
  - Ngày 27/8/2020 là 5.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 150.000.000 đồng;
  - Ngày 25/12/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 27/01/2021 là 1.500.000.000 đồng, lãi suất 4,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 24/3/2021 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,5% = 35.000.000 đồng;
21. Ngày 03/6/2021 trả tiền lãi 609.000.000 đồng cho các khoản vay :
- Ngày 03/3/2021 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,5% = 70.000.000 đồng;
  - Ngày 02/01/2021 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 30.000.000 đồng;
  - Ngày 03/12/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 03/8/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
  - Ngày 03/4/20 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 64.000.000 đồng;
  - Ngày 05/6/20 là 5.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 160.000.000 đồng;



- Ngày 11/3/2020 là 6.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 192.000.000 đồng;
- 22. Ngày 19/6/2021 trả tiền lãi 369.000.000 đồng cho các khoản vay :
- Ngày 23/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
- Ngày 26/9/2020 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,2% = 32.000.000 đồng;
- Ngày 27/8/2020 là 5.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 150.000.000 đồng;
- Ngày 25/12/2020 là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,0% = 60.000.000 đồng;
- Ngày 27/01/2021 là 1.500.000.000 đồng, lãi suất 4,0% = 60.000.000 đồng;
- Ngày 24/3/2021 là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,5% = 35.000.000 đồng;

Trong tổng số tiền lãi bị đơn bà H trả cho nguyên đơn bà H chỉ có ngày 03/6/2021 trả lãi số tiền 2000.000.000 đồng, bị đơn bà H chuyển khoản tại Ngân hàng Á (A) Phòng A; ngày 02/01/2021 bị đơn bà H vay 01 tỷ, nguyên đơn bà Hà trừ tiền lãi 536.000.000 đồng cho khoản vay ngày 03/12/2020; ngày 01/3/2020; ngày 03/4/2020; ngày 05/6/2020; ngày 03/8/2020.

Giấy trả tiền lãi ngày 03/8/2021, do nguyên đơn bà Hà mượn của bị đơn bà H trước 400.000.000 đồng nên cần trừ lãi 334.000.000 đồng nên nguyên đơn bà H trả lại cho bị đơn bà H 66.000.000 đồng.

Còn lại số tiền lãi đã trả cho bị đơn bà H nêu trên đều trả trực tiếp cho nguyên đơn bà H đưa qua tay nhưng không làm giấy tờ gì, có lần đưa cho anh Hà T chồng bà Trần Thị Hồng H nhận 214.000.000 đồng.

Đối với các khoản vay có lãi suất thỏa thuận nay nguyên đơn không thừa nhận đã nhận tiền lãi nên phía bị đơn đề nghị không đồng ý với lãi suất như bị đơn trình bày. Đề nghị đối với các khoản vay lãi suất thỏa thuận thì coi như không có thỏa thuận lãi và lãi suất được coi như lãi suất 0% tính từ thời điểm vay cho đến ngày bị đơn biết được việc đòi nợ vào ngày 05/9/2022.

Đối với các khoản vay có thỏa thuận lãi suất thì bị đơn đồng ý trả 20%/năm, lãi quá hạn và lãi chồng lãi đồng ý trả 30%/năm nhưng tính từ ngày 05/9/2022 gồm các khoản vay sau:

Ngày 03/8/2020 vay số tiền 2.000.000.000đ; Ngày 05/6/2020, vay số tiền 5.000.000.000đ; Ngày 3/4/2020 vay số tiền 2.000.000.000đ; Ngày 11/3/2020, vay số tiền 6.000.000.000đ; Ngày 23/9/2020 vay số tiền 1.000.000.000 đồng; Ngày 26/9/2020 vay số tiền 1.000.000.000 đồng; Ngày 27/01/2021 vay số tiền 1.500.000.000 đồng; Ngày 03/3/2021 vay số tiền 2000.000.000 đồng và ngày 24/3/2021 số tiền vay 1000.000.000 đồng.

Đối với các khoản vay ngày 27/8/2020 số tiền vay 5000.000.000đ; ngày 03/12/2020 số tiền vay 2000.000.000đ; ngày 25/12/2020 số tiền vay 2000.000.000 đồng và ngày 02/01/2021 số tiền vay 1000.000.000đ, bị đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 05/9/2022.

Tại buổi đối chất ngày 11/10/2022, bị đơn cung cấp các số liệu bị đơn đã trả cho nguyên đơn bà H tổng tiền lãi là 10.959.000.000 đồng nhưng còn lại 01 giấy trả lãi ngày 04/01/2021 số tiền là 566.000.000 đồng chưa tính. Như vậy, tổng số tiền lãi bị đơn bà H đã trả cho nguyên đơn số tiền là 11.525.000.000 đồng.

Bị đơn đồng ý trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn bà H là 31.500.000.000 đồng (ba một tỷ năm trăm triệu đồng).

Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu, bị đơn chỉ đồng ý tính lãi theo đơn khởi kiện ban đầu của nguyên đơn là 8.845.274.000 đồng và tiền lãi chồng lãi tính từ ngày 05/9/2022 đến ngày 22/10/2022 làm tròn là 01 tỷ đồng, tổng cộng: 9.845.274.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn còn lại 1.679.726.000 đồng đề nghị được trừ vào nợ gốc bị đơn phải trả. Vì vậy, bị đơn bà Dương Hoa H1 còn phải trả nợ gốc cho nguyên đơn bà H1 số tiền là 29.820.726.000 đồng mà thôi.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn không đề nghị chuyển vụ án nữa mà đề nghị nhập vụ án này vào vụ án thụ lý số 200/2021/TLST-DS ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đang thụ lý giải quyết về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn bà Dương Hoa H1 với bị đơn bà Trần Thị Hồng H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 24/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Dương Hoa H1.

Buộc bà Dương Hoa H1 phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H số tiền nợ gốc 31.500.000.000 đồng và tổng tiền lãi là 18.781.863.000 đồng. Tổng cộng: 50.281.863.000 đồng (Năm mươi tỷ hai trăm tám mươi một triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Về án phí: Bị đơn bà Dương Hoa H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 158.281.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng)

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 74.172.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005344 ngày 23/02/2022 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006011 ngày 20/7/2022 của Chi Cục Thi hành dân sự huyện L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/11/2022, bà Hồ Kim D (là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn) nộp đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 83/2020/DS-ST ngày 24/10/2022 của TAND huyện Long Thành. Với lý do, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm sau đây: Về tố tụng: không thực hiện tổng đạt theo quy định pháp luật, không nhập vụ án theo quy định pháp luật, xử vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Về nội dung: tính lãi suất vay không đúng quy định pháp luật. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Về tố tụng hủy án sơ thẩm để nhập vụ án thụ lý số 200/TB-TLVA ngày 08/11/2021 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng ủy quyền tại TAND huyện Long Thành. Về nội dung: chấp nhận trừ số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 11,5 tỉ đồng vào số nợ gốc 31,5 tỉ đồng, còn lại bị đơn chỉ phải trả nguyên đơn 20 tỉ đồng cả gốc và lãi.

**- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:**

### **I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng.**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan, không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng theo Điều 52 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thủ tục phiên tòa phúc thẩm từ khi bắt đầu cho đến thời điểm này được Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

- Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **II. Về việc giải quyết vụ án**

**Về thủ tục tố tụng:** Tòa án cấp sơ thẩm không có vi phạm nghiêm trọng.

**-Về đường lối:** Xét thấy các bên nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số tiền

nợ gốc là 31,5 tỉ đồng, nhưng không thống nhất về số tiền lãi đã trả. Nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả khoản tiền lãi nào. Còn bị đơn cho rằng bị đơn đã trả lãi của 13 khoản vay với tổng số tiền 11.525.000.000đ. Tuy nhiên việc trả lãi không viết giấy biên nhận mà bị đơn chỉ nhắn tin trao đổi với nguyên đơn qua Zalo. Nguyên đơn xác nhận hai bên có trao đổi các khoản vay, lãi suất của từng khoản vay qua Zalo như bị đơn cung cấp, nhưng nguyên đơn chưa nhận được bất kỳ khoản lãi nào từ bị đơn. Ngoài ra, bị đơn còn cung cấp giấy xác nhận có 02 trang trên một tờ giấy A4, và nguyên đơn thừa nhận có ký tên vào trang thứ hai (tức mặt sau của tờ A4), theo nội dung của giấy xác nhận này thì *tính đến ngày 09/01/2021, nguyên đơn đã giao cho bị đơn vay số tiền 27 tỉ đồng, tiền lãi bị đơn đã trả 2,676 tỉ - ngày cuối trả lãi là ngày 04/01/2021 trả 566 triệu*). Xét thấy, đối chiếu với 13 giấy nợ bản gốc do nguyên đơn cung cấp từ bút lục 82 đến 95 thì đến ngày 09/01/2021, tổng số tiền bị đơn vay của nguyên đơn đúng là 27 tỉ đồng như ghi trong giấy xác nhận ngày 09/01/2021. Phía nguyên đơn cũng thừa nhận có cầm của bị đơn 19 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được liệt kê trong giấy xác nhận này, nhưng lại không thừa nhận nội dung bị đơn đã trả lãi 2,676 tỉ ghi trong giấy xác nhận; như vậy là không hợp logic. Mặt khác việc vay số tiền 31,5 tỉ không phải diễn ra một lần mà diễn ra làm 13 lần, mỗi lần cách nhau từ một đến vài tháng, nếu bị đơn không trả tiền lãi của lần vay trước thì nguyên đơn sẽ không bao giờ cho bị đơn vay lần tiếp theo. Do đó, đủ cơ sở xác định bị đơn đã trả lãi 2,676 tỉ như ghi trong giấy xác nhận ngày 09/01/2021. Việc nguyên đơn khai rằng bị đơn không trả bất kỳ khoản tiền lãi nào của cả 13 lần vay tiền là không phù hợp với thực tiễn cho vay, không phù hợp với những chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án (giấy xác nhận ngày 09/01/2021 có chữ ký của cả 2 bên).

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị đơn không trả bất kỳ khoản tiền lãi nào của cả 13 lần vay tiền là không đánh giá đúng bản chất của vụ việc và không phù hợp với chứng cứ là giấy xác nhận ngày 09/01/2021 có chữ ký của cả 2 bên. Vì vậy, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền lãi bị đơn đã trả, xác định đến ngày 09/01/2021 bị đơn đã trả lãi 2,576 tỉ đồng; và trừ số tiền lãi này vào số tiền lãi trong hạn bị đơn phải trả:  $4.236.384.000đ - 2.576.000.000đ = 1.660.384.000đ$ .

**\*Đề nghị Hội đồng xét xử:** Áp dụng khoản 2, Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm số 83/2020/DS-ST ngày 24/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành về đường lối theo hướng: Xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn là 2.576.000.000đ ghi trong giấy xác nhận ngày 09/01/2021 có 2 bên ký tên (án sơ thẩm xác định bị đơn không trả đồng tiền lãi trong hạn nào).

Cần sửa án theo hướng bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền sau:

- Nợ gốc 2 bên thống nhất: 31.500.000.000đ (*giữ nguyên như án sơ thẩm*)
- Nợ lãi trong hạn (20%/năm): 1.660.384.000đ (phải trừ 2.576.000.000đ ghi trong giấy xác nhận ngày 09/01/2021 có 2 bên ký tên) (*tức sửa 1 phần án sơ thẩm*)
- Tiền lãi trên nợ lãi (10%/năm) đối với 1.660.384.000đ, án sơ thẩm tính đối với 4.236.384.000đ là không chính xác (*tức sửa 1 phần án sơ thẩm về lãi*)
- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn (30% đối với 31,5 tỉ đồng) kể từ ngày nguyên đơn thông báo cho bị đơn hạn trả nợ cuối cùng (12/01/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (18/10/2022): 10.364.167.000đ (*giữ nguyên như án sơ thẩm*).

III. Những yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ. Căn cứ khoản 1 Điều 273 BLTTDS thì kháng cáo nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Thủ tục ủy quyền: Ngày 02/8/2023, bị đơn bà Dương Hoa H1 có văn bản đề nghị hủy yêu cầu ủy quyền đối với bà Hồ Kim D và hủy yêu cầu Luật sư Nguyễn Văn C1 và luật sư Võ Phước H5, đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo của bà Hồ Kim D (đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã kháng cáo). Ngày 03/8/2023, bà Dương Hoa H1 có hợp đồng ủy quyền cho bà Khuất Thị Diễm H2. Việc bị đơn bà Dương Hoa H1 không yêu cầu Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho mình tại phiên tòa, cũng như có văn bản hủy việc ủy quyền cho bà Hồ Kim D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ vào khoản 13 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa bà Khuất Thị Diễm H2 đề nghị hoãn phiên tòa cho rằng bà chưa tiếp cận được hồ sơ vụ án, đồng thời Luật sư Nguyễn Văn C1 đã giả mạo chữ ký, chữ viết của bà Dương Hoa H1 và sử dụng tài liệu giả mạo để tham gia vụ án, chưa rõ động cơ mục đích, cần trưng cầu giám định để xử lý theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa bà Dương Hoa H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đại diện theo ủy quyền của bà Dương Hoa H1, bà Khuất Thị Diễm H2 thay đổi nội dung kháng cáo với nội dung không xem xét về phần lãi mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc cấp sơ thẩm không làm rõ các vấn đề trong vụ án về việc thế chấp 19 cuốn sổ đỏ liên quan tới việc vay 31.500.000.000đ vì phía bị đơn đang khởi kiện nguyên đơn tại Tòa án nhân dân



huyện Long Thành và đã được thụ lý vụ án về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng ủy quyền, quyền sử dụng đất” đề nghị hủy vụ án để nhập với vụ án mà Tòa án nhân dân huyện Long Thành đang thụ lý và giải quyết. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có cơ sở bởi lẽ:

*Thứ nhất:* Đối với yêu cầu hoãn phiên tòa để tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của bà Dương Hoa H1 tại đơn yêu cầu Luật sư Nguyễn Văn C1, Văn bản hủy Luật sư Võ Phước H5 để xác định việc sử dụng tài liệu giả mạo để Luật sư C1 tham gia vụ án với động cơ mục đích gì không liên quan đến việc Tòa án giải quyết vụ án về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa bà Trần Thị Hồng H và bà Dương Hoa H1, đồng thời ngày 02/8/2023, bà Dương Hoa H1 đã có đơn đề nghị hủy luật sư Nguyễn Văn C1 và Võ Phước H5, và hủy việc ủy quyền đối với bà Hồ Kim D. Do đó việc trưng cầu giám định chữ ký của bà Dương Hoa H1 tại đơn yêu cầu Luật sư Nguyễn Văn C2, và hủy Luật sư Võ Phước H5 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án này. Vì vậy yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có căn cứ.

*Thứ hai:* Bị đơn bà Dương Hoa H1 ủy quyền cho bà Khuất Thị Diễm H2 tham gia phiên tòa từ ngày 03/8/2023, bà H2 và bà Hoa H4 đã tiếp cận hồ sơ, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bà Dương Hoa H1 cũng có mặt và tham gia phiên tòa trình bày về những yêu cầu và đưa ra những chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, yêu cầu của bà H2 đề nghị hoãn phiên tòa với lý do chưa tiếp cận hồ sơ vụ án là không có căn cứ chấp nhận.

*Thứ ba:* Đối với việc đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị hủy án sơ thẩm để nhập vụ án thụ lý số 200/TB-TLVA ngày 08/11/2021 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng ủy quyền tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Xét thấy, vụ án thụ lý số 200/2021/TLST-DS ngày 08/11/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn bà Dương Hoa H1 và bị đơn bà Trần Thị Hồng H còn vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H với bị đơn bà Dương Hoa H1, trong vụ án này các đương sự tranh chấp các khoản tiền vay không liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại vụ án thụ lý số 200/2021/TLST-DS ngày 08/11/2021 bà Trần Thị Hồng H không có yêu cầu phản tố về việc trả nợ số tiền bà Dương Hoa H1 đã vay, vì vậy, đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu nhập vụ án không có cơ sở chấp nhận.



*Thứ tư:* Đối với việc cân trừ số tiền lãi bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn là 11.500.000.000 đồng vào số nợ gốc 31.500.000.000đ, còn lại bị đơn chỉ phải trả nguyên đơn 20.000.000.000đ cả gốc và lãi.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn thể hiện: Từ ngày 11/3/2020 đến ngày 24/3/2021 bà Trần Thị Hồng H có cho bà Dương Hoa H1 vay 13 lần với tổng số tiền 31.500.000.000đ, lãi suất thỏa thuận từ 3% đến 5%. Trong quá trình hai bên thực hiện hợp đồng vay, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như các bên đã thỏa thuận đồng thời phía nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng H đã thông báo và yêu cầu bà Dương Hoa H1 trả tiền nợ gốc, lãi hạn cuối vào ngày 12/01/2022, nhưng phía bị đơn bà Dương Hoa H1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó cấp sơ thẩm buộc bà Dương Hoa H1 phải trả nợ cho bà Trần Thị Thu H6 số tiền nợ 31.500.000.000đ và lãi theo quy định là đúng quy định.

Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị đơn bà Dương Hoa H1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bà Dương Hoa H1 đã trả lãi của 13 khoản vay với tổng số tiền 11.500.000.000đ, đồng thời cung cấp cho Hội đồng xét xử một ủy nhiệm chi thể hiện ngày 03/6/2021, bà Dương Hoa H1 chuyển cho bà Trần Thị Hồng H số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), bà H2 và bà Dương Hoa H1 xác định đây là số tiền lãi bà Dương Hoa H1 đã trả cho bà Trần Thị Hồng H. Tuy nhiên, phía bà Trần Thị Hồng H không thừa nhận và cho rằng thời điểm đó do cần tiền gấp bà Trần Thị Hồng H hỏi mượn bà Dương Hoa H1 số tiền 2.000.000.000đ, đến ngày 07/6/2021, bà Trần Thị Hồng H đã trả lại cho bà Dương Hoa H1 thông qua chuyển khoản. Lời trình bày trên của phía nguyên đơn có căn cứ và phù hợp với phiếu chuyển khoản 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) ngày 07/6/2021 (bút lục 177). Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền trên không phải là số tiền lãi mà phía bị đơn trả cho nguyên đơn như bị đơn trình bày. Đối với việc bà Dương Hoa H1 cho rằng có trả lãi cho bà Trần Thị Hồng H 13 khoản vay với tổng số tiền 11.500.000.000đ. Tuy nhiên, việc trả lãi không viết giấy biên nhận, bản thân nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã trả lãi mà chỉ xác nhận hai bên có trao đổi các khoản vay, lãi suất của từng khoản vay qua Zalo như bị đơn cung cấp. Việc bị đơn đề nghị cân trừ số tiền lãi suất đã trả cho nguyên đơn vào phần tiền lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu khởi kiện, nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc nguyên đơn có ký nhận tiền lãi mà bị đơn đã trả nên không có căn cứ xem xét lời trình bày của bị đơn.

Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy xác nhận ngày 09/01/2021 thể hiện nguyên đơn thừa nhận có ký tên vào trang thứ hai (tức mặt sau của tờ A4), theo nội dung của giấy xác nhận này thì *(tính đến ngày 09/01/2021, nguyên đơn đã giao cho bị*

đơn vay số tiền 27 tỉ đồng, tiền lãi bị đơn đã trả 2,676 tỉ - ngày cuối trả lãi là ngày 04/01/2021 trả 566 triệu). Đối chiếu với 13 giấy nợ bản gốc do nguyên đơn cung cấp (từ bút lục 82 đến 95) thì đến ngày 09/01/2021, tổng số tiền bị đơn vay của nguyên đơn đúng là 27 tỉ đồng như ghi trong giấy xác nhận ngày 09/01/2021. Phía nguyên đơn cũng thừa nhận có cầm của bị đơn 19 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được liệt kê trong giấy xác nhận này từ đó, có đủ cơ sở xác định bị đơn đã trả lãi 2.576.000.000 đồng như ghi trong giấy xác nhận ngày 09/01/2021. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sẽ trừ số tiền trên vào tổng số tiền lãi mà bị đơn phải chịu đồng thời sửa khách quan một phần về lãi và án phí đối với bản án dân sự sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử buộc phía bị đơn là bà Dương Hoa H1 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Hồng H số tiền như sau.

- Về số tiền nợ gốc là: 31.500.000.000đ (*ba mươi một tỷ năm trăm triệu đồng*). Nợ lãi trong hạn (20%/năm) = 4.236.384.000đ (*bốn tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn (30% đối với 31.500.000.000 đồng) kể từ ngày nguyên đơn thông báo cho bị đơn hạn trả nợ cuối cùng (12/01/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (18/10/2022): 10.364.167.000đ (*mười tỷ, ba trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm sáu bảy nghìn đồng*).

- Tổng tiền gốc của 09 đợt vay không kỳ hạn là: 16.500.000.000đ x 30%/năm x 09 tháng 06 ngày = **3.795.000.000đ** (*Ba tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tổng số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn bị đơn phải trả cho nguyên đơn đến ngày 18/10/2022 là: **14.519.167.000đ** (*Mười bốn tỷ, năm trăm mười chín triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Tổng số tiền lãi tính đến ngày 18/10/2022 bị đơn bà Dương Hoa H1 phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H là: **18.781.863.000đ** (*Mười tám tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*). Trừ đi **2.576.000.000đ** (*hai tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng*) ghi trong giấy xác nhận ngày 09/01/2021 có 2 bên ký tên = **16.205.863.000đ** (*mười sáu tỷ hai trăm lẻ năm triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*)

Như vậy, bị đơn bà Dương Hoa H1 phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H số tiền nợ gốc là **31.500.000.000đ** (*Ba mươi một tỷ, năm trăm triệu*) và tổng tiền lãi là **16.205.863.000đ** (*mười sáu tỷ, hai trăm lẻ năm triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*). Tổng cộng: **47.705.863.000đ** (*bốn mươi bảy tỷ, bảy trăm lẻ năm triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

[3] Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H được chấp nhận nên bị đơn bà Dương Hoa H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.000.000 đồng + (43.705.863.000 đồng x 0,1% = 43.705.863 đồng) = 155.705.863 đồng (Một trăm năm mươi năm triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng).

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Dương Hoa H1 được chấp nhận một phần nên bà Dương Hoa H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án dân sự không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

- Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Dương Hoa H1. Sửa khách quan một phần bản án sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 24/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành về việc tính lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn bà Dương Hoa H1.

**1.1.** Buộc bà Dương Hoa H1 phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H số tiền **47.705.863.000đ**. (*Bốn mươi bảy tỷ, bảy trăm lẻ năm triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) trong đó tiền nợ gốc là **31.500.000.000đ** (*Ba mươi một tỷ, năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi là **16.205.863.000đ** (*mười sáu tỷ, hai trăm lẻ năm triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

#### **2.** Về án phí:

**2.1.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Hoa H1 phải chịu án phí dân sự số tiền 155.705.863đ (*một trăm năm mươi năm triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 74.172.000đ (*Bảy mươi bốn triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005344 ngày 23/02/2022 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.500.000đ (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006011 ngày 20/7/2022 của Chi Cục Thi hành dân sự huyện L.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Hoa H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Dương Hoa H1 300.000đ tạm ứng án phí dân sự kháng cáo tại biên lai 0006510 ngày 15/11/2022, của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Thi hành án: Kể từ ngày 24/10/2022 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn là 30%/năm (150% mức lãi suất trong hạn 20%/năm). Quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Hiệu lực của Bản án: Bản án Dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Long Thành
- Chi cục THADS huyện Long Thành
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã Ký)**

**Đinh Thị Kiều Lương**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quyên**

**Lê Thị Ký**

**Đinh Thị Kiều Lương**